

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 / 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 28 – 6 - 2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Phương Lan.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Hạnh, Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐDS-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Mai Thị T; còn vắng mặt anh Nguyễn Ngọc H (anh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H sau một thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã V, huyện K. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được

ba năm, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H hay chơi bời, không quan tâm đến gia đình, chị T đã khuyên can anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không sửa đổi, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do đó đến tháng 6 năm 2021, anh H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của anh ở xóm T, xã K, huyện Y, để sinh sống. Chị và anh H đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc H cho đến nay vợ chồng có một con chung tên cháu là Nguyễn Việt H1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2014. Hiện nay cháu H1 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu H1 cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 cho chị. Về con riêng chị và anh H không ai có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T xác định giữa chị và anh Nguyễn Ngọc H không có tài sản và không vay mượn ai tài sản gì, nên nay ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc H, nhưng do anh H đi làm không có nhà nên Tòa án không giao trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H được mà Tòa án đã thông qua ông Nguyễn Duy Hn là bố đẻ của anh H nhận thay và đã giao lại cho anh H. Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, anh H vẫn không có văn bản trả lời, bản tự khai trình bày về quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã thông qua ông Hn giao giấy triệu tập anh H và văn bản thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc, không có bản khai và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện quan điểm của anh, đồng thời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H thông qua ông Hn là bố đẻ anh H, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Hn, đã được ông cung cấp với nội dung: chị T và anh H hiện đang sống ly thân khoảng hai năm nay, việc chị T xin ly hôn anh H đã biết, nhưng do bận công việc nên anh H không đến Tòa án làm việc

được, anh H có nói với ông là quan điểm anh rất thương con nên không đồng ý ly hôn, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện không thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh H vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị T xử cho ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H. Về con: Giao cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2014 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 cho chị T.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Mai Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H, có địa chỉ tại xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 13/6/2024 có mặt chị Mai Thị T, còn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị T có mặt, còn anh Nguyễn Ngọc H vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc H đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2014 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ

chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh H hay chơi bời, không quan tâm đến gia đình, chị T đã khuyên nhủ anh H nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; do chung sống không có hạnh phúc, nên đến tháng 6 năm 2021 anh H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của anh tại xã K, huyện Y để sinh sống, do vậy vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị T và anh H không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2021, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị T và anh H về thời gian Tòa án tổ chức phiên hòa giải, nhưng anh H vắng mặt, không tham gia hòa giải, mặt khác qua ý kiến của ông Hn là bố đẻ của anh H cho biết anh H không nhất trí ly hôn là vì con, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Nên xét thấy anh H không còn quan tâm đến cuộc sống của vợ chồng và tình cảm giữa chị T với anh H không còn. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T xử cho ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị T và anh H cho đến nay có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2014. Hiện cháu đang do chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1 và chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 cho chị. Xét yêu cầu của chị T về nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 mong muốn được ở với chị T. Do vậy cần giao cháu H1 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cháu H1 cho chị T là phù hợp. Về con riêng không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Chị T xác định chị và anh H không có tài sản, nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về hôn nhân: Cho chị Mai Thị T ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2014 cho chị Mai Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và anh Nguyễn Ngọc H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 cho chị T. “Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

2. Về án phí: Chị Mai Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001657 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- UBND xã V.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung